

Bài 69**ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100
(3 tiết)****I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 100.
- Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
- Thực hiện được việc cộng, trừ nhầm (có số tròn chục) trong phạm vi 100.
- So sánh được các số trong phạm vi 100.
- Giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

Phát triển năng lực

- Qua thực hành, luyện tập sẽ phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Qua giải bài toán thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ sẽ phát triển năng lực giải quyết vấn đề và hình thành cho HS phẩm chất nhân ái (yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình).

II CHUẨN BỊ

- Sách Toán 2.
- Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100; thực hiện được cộng, trừ nhẩm; so sánh được các số trong phạm vi 100; giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

Bài 1: Củng cố cộng, trừ nhẩm các số tròn chục; mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài.
- Sau khi HS làm bài, GV yêu cầu HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
- Khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu từng phép tính.

Bài 2: Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng, trừ.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài.
- Sau khi HS làm bài, GV yêu cầu HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
- Khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện một số phép tính.

Bài 3: Củng cố thực hiện phép cộng, phép trừ; so sánh số.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài và cách làm bài: Tính kết quả của từng phép tính ghi trên mỗi chú gấu rồi so sánh với số đã cho để có câu trả lời.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Kết quả: $60 + 8 = 68$; $28 + 30 = 58$; $94 - 50 = 44$; $75 - 5 = 70$; $20 + 19 = 39$; $87 - 37 = 50$.

Vậy các phép tính $94 - 50$ và $20 + 19$ có kết quả bé hơn 45; các phép tính $60 + 8 = 68$ và $75 - 5 = 70$ có kết quả lớn hơn 63.

- Lưu ý: Khi HS làm bài, GV nên yêu cầu HS tính nhẩm đổi với các phép tính có số tròn chục.

Bài 4: Cung cấp cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn.

- GV cho HS đọc đề bài và tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì, phải làm phép tính gì?).
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

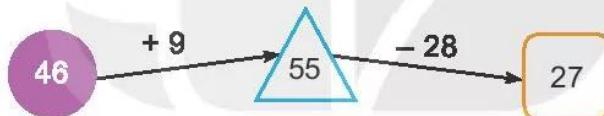
Quãng đường Hà Nội – Nam Định dài hơn quãng đường
Hà Nội – Hoà Bình là:

$$90 - 76 = 14 \text{ (km)}$$

Đáp số: 14 km.

Bài 5: Cung cấp thực hiện phép cộng, phép trừ.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài: Tìm số thích hợp với ô có dấu “?”.
- GV yêu cầu HS nêu cách làm: Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái sang phải.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả:



Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS cung cấp bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

KẾT NỐI TRÍ THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100; thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ; giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

Bài 1: Cung cấp cách đặt tính và thực hiện phép cộng, phép trừ.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài và cách làm bài: Kiểm tra xem cách đặt tính và tính có đúng không.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Khi chữa bài, GV yêu cầu HS giải thích từng trường hợp.

Bài 2: Cung cấp cách đặt tính và thực hiện phép cộng, phép trừ.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài.

- Sau khi HS làm bài, GV yêu cầu HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
- Khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện một số phép tính.

Bài 3: Củng cố cách thực hiện tính nhẩm phép cộng, trừ; cách tìm số bé nhất, số lớn nhất trong các số đã cho.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài và cách làm bài: Tính kết quả các phép tính đã cho ở các đám mây rồi so sánh các kết quả đó để tìm số bé nhất, số lớn nhất.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Lưu ý: Các phép tính này đều có thể nhẩm được, GV yêu cầu HS tính nhẩm khi làm bài.

Bài 4: Củng cố cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn.

- GV cho HS đọc đề bài và tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì, phải làm phép tính gì?).
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

Số tuổi của ông là:

$$58 + 5 = 63 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 63 tuổi.

- Lưu ý: Qua nội dung bài toán, ngầm hình thành cho HS phẩm chất nhân ái: Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. Do đó, sau khi chữa bài, GV nên liên hệ để hình thành cho HS phẩm chất này.

Bài 5: Củng cố, rèn kỹ năng thực hiện tính có hai dấu cộng, trừ.

- GV yêu cầu HS nêu cách làm: Tính lần lượt từ trái sang phải.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả: a) $54 + 29 - 8 = 75$; b) $62 - 38 + 7 = 31$.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 3. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Thực hiện được phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100; thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu cộng, trừ; giải được bài tập dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn; giải được bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

Bài 1: Củng cố cách làm dạng bài tập trắc nghiệm liên quan đến phép cộng, trừ.

- GV yêu cầu HS nêu cách làm: Tìm kết quả của từng trường hợp rồi chọn câu trả lời đúng.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả: a) Chọn A; b) Chọn B; c) Chọn C; d) Chọn C.

Bài 2: Rèn kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ.

- GV hướng dẫn HS dựa vào cách thực hiện phép cộng, phép trừ số có hai chữ số theo cột dọc, tính nhẩm theo từng hàng để tìm chữ số thích hợp. Chẳng hạn, câu a:
 - + Ở cột đơn vị: 7 cộng 6 bằng 13, vậy chữ số phải tìm là 3 (nhớ 1 sang cột chục);
 - + Ở cột chục: 2 cộng 1 bằng 3, 3 cộng 4 bằng 7, vậy chữ số phải tìm là 7.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

- Khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu cách làm từng phép tính.

Bài 3: Củng cố và rèn kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ và so sánh số.

- GV cho HS nêu cách làm bài: Thực hiện các phép tính rồi so sánh theo yêu cầu của bài.
 - GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
 - Sau khi HS làm bài, GV yêu cầu HS kiểm tra, chữa bài cho nhau.
- Bài 4:* Củng cố cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn.
- GV cho HS đọc đề bài và tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì, phải làm phép tính gì?).
 - GV cho HS làm bài rồi chữa bài.

Bài giải

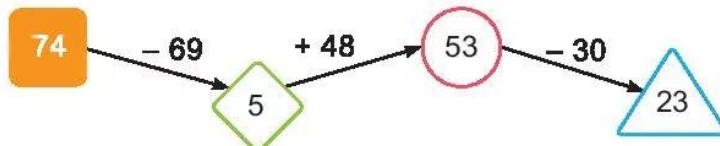
Mỗi ngày con bò sữa của bác Bình cho số lít sữa là:

$$20 - 5 = 15 \text{ (l)}$$

Dáp số: 15 l sữa.

Bài 5: Củng cố thực hiện phép cộng, phép trừ.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài: Tìm số thích hợp với ô có dấu “?”.
- GV yêu cầu HS nêu cách làm: Thực hiện lần lượt từng phép tính từ trái sang phải.
- GV cho HS làm bài rồi chữa bài.
- Kết quả:



Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).